TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NGÃ BẢY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17/6/2024.
V/v: "Tranh chấp ly hôn và yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NGÃ BẢY, TỈNH HẬU GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải;
2. Ông Lữ Văn Công.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Huế Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ngã Bảy tham gia phiên tòa:* Ông Võ Hoài Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 204/2023/TLST-HN, ngày 15 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 03/6/2024, về việc "Tranh chấp ly hôn và yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn", giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1963; (có mặt)

Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1957; (có mặt)

Cùng trú tại: ấp B, xã T, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:

Ông và bà T quen biết, tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung

sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tôi bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn ngày một trầm trọng nên ông bà đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2023 đến nay. Nay nhận thấy vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị T.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung tên là Nguyễn Phước D (nam), sinh ngày 21/12/1998. Cháu D đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông và bà T có khối tài sản chung là phần đất có diện tích đo đạt thực tế là 15.686,6m^2 và một căn nhà trên đất, đất tọa lạc tại ấp B, xã T, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang (theo Mảnh trích đo địa chính số 492/SHC, ngày 25/12/2023 của công ty TNHH đo đạc Tài nguyên và môi trường Sông Hậu). Nay ông và bà T tự nguyên thỏa thuận như sau:

- Giao cho ông Nguyễn Văn K phần đất có diện tích 7.910,9m2, tại các vị trí số (1), (2), (3) theo Mảnh trích đo địa chính số 492/SHC, ngày 25/12/2023 của công ty TNHH đo đạc Tài nguyên và môi trường Sông Hậu.

- Giao cho bà Phạm Thị T phần đất và một căn nhà gắn liền trên đất có tổng diện tích 7.775,7m2, tại các vị trí số (3), (4), (5), (6) theo mãnh trích đo địa chính số 492/SHC, ngày 25/12/2023 của công ty TNHH đo đạc Tài nguyên và môi trường Sông Hậu.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Bà thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay nguyên đơn yêu cầu ly hôn bà cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà và ông K có 01 con chung là Nguyễn Phước D (nam), sinh ngày 21/12/1998. Cháu D đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà và ông K có khối tài sản chung là phần đất có diện tích đo đạt thực tế là 15.686,6m^2 và một căn nhà trên đất, đất tọa lạc tại ấp B, xã T, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang (theo Mảnh trích đo địa chính số 492/SHC, ngày 25/12/2023 của công ty TNHH đo đạc Tài nguyên và môi trường Sông Hậu). Nay bà và ông K tự nguyên thỏa thuận như sau:

- Giao cho ông Nguyễn Văn K phần đất có diện tích 7.910,9m2, tại các vị trí số (1), (2), (3) theo Mảnh trích đo địa chính số 492/SHC, ngày 25/12/2023 của công ty TNHH đo đạc Tài nguyên và môi trường Sông Hậu.

- Giao cho bà Phạm Thị T phần đất và một căn nhà gắn liền trên đất có tổng diện tích 7.775,7m2, tại các vị trí số (3), (4), (5), (6) theo mãnh trích đo địa chính số 492/SHC, ngày 25/12/2023 của công ty TNHH đo đạc Tài nguyên và môi trường Sông Hậu.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ngã Bảy tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn.

Về con chung: Đã trưởng thành không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn như sau:

- Giao cho ông Nguyễn Văn K phần đất có diện tích 7.910,9m2, tại các vị trí số (1), (2), (3) theo Mảnh trích đo địa chính số 492/SHC, ngày 25/12/2023 của công ty TNHH đo đạc Tài nguyên và môi trường Sông Hậu.

- Giao cho bà Phạm Thị T phần đất và một căn nhà gắn liền trên đất có tổng diện tích 7.775,7m2, tại các vị trí số (3), (4), (5), (6) theo mãnh trích đo địa chính số 492/SHC, ngày 25/12/2023 của công ty TNHH đo đạc Tài nguyên và môi trường Sông Hậu.

Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí chia tài sản chung khi ly hôn: Nguyên đơn và bị đơn là người cao tuổi nên được miễn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn xuất phát từ việc tính tình vợ chồng

không hòa hợp, trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn cự cãi, mâu thuẫn ngày một trầm trọng, vợ chồng không có tiếng nói chung, cả nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng tình cảm không còn và đã ly thân từ cuối năm 2023 đến nay. Quá trình giải quyết Tòa án đã hòa giải động viên hai vợ chồng xóa bỏ mâu thuẫn trở về đoàn tụ vợ chồng nhưng vợ chồng nguyên đơn và bị đơn vẫn sống ly thân, tự ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng do hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không có đăng ký kết hôn theo luật định. Khi có yêu cầu xin ly hôn, căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về con chung: Đã trưởng thành không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn như sau:

- Giao cho ông Nguyễn Văn K phần đất có diện tích 7.910,9m^2, tại các vị trí số (1), (2), (3) theo Mảnh trích đo địa chính số 492/SHC, ngày 25/12/2023 của công ty TNHH đo đạc Tài nguyên và môi trường Sông Hậu.

- Giao cho bà Phạm Thị T phần đất và một căn nhà gắn liền trên đất có tổng diện tích 7.775,7m^2, tại các vị trí số (3), (4), (5), (6) theo mãnh trích đo địa chính số 492/SHC, ngày 25/12/2023 của công ty TNHH đo đạc Tài nguyên và môi trường Sông Hậu.

Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí chia tài sản chung khi ly hôn: Nguyên đơn và bị đơn là người cao tuổi nên được miễn theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 59, Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Thị T.

2. Về con chung: Đã trưởng thành không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn như sau:

- Buộc bà Phạm Thị T phải có trách nhiệm giao cho ông Nguyễn Văn K phần đất có diện tích 7.910,9m^2 và toàn bộ cây trồng trên đất, tại các vị trí số (1), (2), (3) theo Mảnh trích đo địa chính số 492/SHC, ngày 25/12/2023 của công ty TNHH đo đạc Tài nguyên và môi trường Sông Hậu.

- Buộc ông Nguyễn Văn K phải có trách nhiệm giao cho bà Phạm Thị T phần đất, cây trồng trên đất và căn nhà gắn liền trên đất có tổng diện tích 7.775,7m^2, tại các vị trí số (3), (4), (5), (6) theo mãnh trích đo địa chính số 492/SHC, ngày 25/12/2023 của công ty TNHH đo đạc Tài nguyên và môi trường Sông Hậu.

Các đương sự được quyền liên hệ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký và điều chỉnh diện tích đất sử dụng, chi phí phát sinh cho việc làm thủ tục do các đương sự tự chịu.

Vị trí, kích thước các cạnh và hình thể được xác định theo mảnh trích đo địa chính số mãnh trích đo địa chính số 492/SHC, ngày 25/12/2023 của công ty TNHH đo đạc Tài nguyên và môi trường Sông Hậu. *(có mảnh trích đo kèm theo)*

Về nợ chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K phải chịu toàn bộ, tuy nhiên do ông K là người cao tuổi, đồng thời ông cũng có đơn xin được miễn án phí và đã được Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy chấp nhận nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nên bà được miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí chia tài sản chung khi ly hôn: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K và bị đơn bà Phạm Thị T phải chịu, tuy nhiên do ông K và bà T là người cao tuổi, đồng thời ông K và bà T cũng có đơn xin được miễn án phí và đã được Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy chấp nhận nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nên bà được miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chi phí, xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn và bị đơn mỗi người chịu 7.000.000đồng (Bảy triệu đồng). Nguyên đơn và bị đơn đã nộp xong.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND TP. Ngã Bảy;
- CCTHA TP. Ngã Bảy;
- UBND xã Tân Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Lữ Văn Công	**Dương Thanh Huỳnh**	**Trần Thị Nhung**